

Số: 123/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài
trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn hoạt động giao dịch, đầu tư chứng khoán và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, không bao gồm các hoạt động đầu tư sau của nhà đầu tư nước ngoài:

- a) Hoạt động đầu tư quy định tại Điều 22, Điều 27, Điều 28 Luật Đầu tư;
- b) Hoạt động góp vốn thành lập, giao dịch cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng hoặc phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn, trừ việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- a) Nhà đầu tư nước ngoài;
- b) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;
- c) Ngân hàng lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- d) Tổ chức phát hành, công ty đại chúng;
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật liên quan.

2. *Đại diện có thẩm quyền* của tổ chức nước ngoài là:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thư ký công ty hoặc Giám đốc (Tổng Giám đốc) của tổ chức nước ngoài, chủ sở hữu tổ chức nước ngoài;

b) Người có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức nước ngoài hoặc theo thỏa thuận góp vốn hoặc theo các tài liệu tương đương của tổ chức nước ngoài có đủ thẩm quyền để ký các tài liệu và thực hiện các công việc quy định tại Thông tư này;

c) Người được đối tượng quy định tại điểm a, b khoản này uỷ quyền bằng văn bản có xác nhận bởi công chứng viên ở nước ngoài hoặc người được luật sư, công chứng viên ở nước ngoài xác nhận là đủ thẩm quyền đại diện cho tổ chức nước ngoài theo quy định pháp luật nước ngoài.

3. *Đại diện giao dịch* là cá nhân tại Việt Nam đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này được nhà đầu tư nước ngoài uỷ quyền thực hiện các giao dịch, đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, công bố thông tin, báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

4. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định của Thông tư này, có nội dung được kê khai phù hợp và đầy đủ theo quy định pháp luật.

5. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tại Việt Nam.

6. *Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có quốc tịch nước ngoài; tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và thực hiện đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là tổ chức nước ngoài).

7. *Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan* bao gồm các tổ chức nước ngoài là người có liên quan có quan hệ với nhau theo một trong các trường hợp sau:

a) Các quỹ nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ trong nước hoặc nước ngoài;

b) Các quỹ của cùng một quỹ mẹ (master fund) hoặc các danh mục của cùng một quỹ, các quỹ con (sub-funds) của cùng một quỹ, các quỹ được tài trợ vốn từ cùng một quỹ nguồn (feeder fund);

c) Các danh mục đầu tư của cùng một quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau (Multiple Investment Managers Fund - MIMF);

d) Các danh mục đầu tư của cùng một quỹ đầu tư nước ngoài hoặc của cùng một nhà đầu tư nước ngoài, kể cả trường hợp lưu ký trên các tài khoản lưu ký khác nhau;

đ) Các quỹ nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài có cùng một đại diện giao dịch.

8. *Thành viên lưu ký* là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký và đã đăng ký làm thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Chương II

ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam dưới các hình thức sau:

a) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán mua, bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác; đầu tư góp vốn, mua, bán, hoán đổi cổ phần theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Gián tiếp đầu tư dưới hình thức ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài quản lý.

2. Trước khi thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ thực hiện đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán. Trong

trường hợp này, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ủy thác của nhà đầu tư nước ngoài được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.

4. Nhà đầu tư nước ngoài bảo đảm các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này và các giao dịch thực hiện bởi người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan không nhằm mục đích giả tạo cung, cầu, thao túng giá chứng khoán và các hành vi giao dịch bị cấm khác theo quy định pháp luật.

5. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp và quyết toán thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động chứng khoán tại Việt Nam theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc ủy quyền cho thành viên lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán, văn phòng đại diện của mình, đại diện giao dịch thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp và quyết toán thuế, phí, lệ phí theo đúng quy định pháp luật Việt Nam.

6. Nhà đầu tư nước ngoài được lựa chọn một đại diện giao dịch tại Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán;

c) Không đồng thời là nhân viên của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài, ngân hàng lưu ký hoạt động tại Việt Nam;

d) Là đại diện giao dịch duy nhất tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài và được nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền bằng văn bản.

7. Nhà đầu tư nước ngoài, đại diện giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.

Trường hợp thực hiện giao dịch hoán đổi với quỹ ETF, thực hiện chứng khoán phái sinh bằng phương thức chuyển giao vật chất dẫn tới tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với chứng khoán cơ cấu, chứng khoán cơ sở vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên bù trừ, đối tác giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài bán số chứng khoán cơ cấu, chứng khoán cơ sở vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư nước ngoài.

8. Ngoại trừ quỹ mở, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả sở hữu gián tiếp thông qua ủy quyền, ủy thác đầu tư, phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tuân thủ quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 4. Đăng ký mã số giao dịch chứng khoán

1. Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký mã số giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo trình tự sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài nộp đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho thành viên lưu ký;

b) Thành viên lưu ký thẩm định hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

c) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo bởi thành viên lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và xác nhận điện tử mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài thông qua thành viên lưu ký trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến. Trường hợp từ chối, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do;

Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng khoán và thực hiện đầu tư ngay sau khi được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp mã số giao dịch chứng khoán dưới hình thức xác nhận điện tử.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được mã số giao dịch chứng khoán, thành viên lưu ký nộp đầy đủ bộ hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này để rà soát, lưu trữ;

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ từ thành viên lưu ký theo quy định tại điểm d khoản này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký) theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu bằng văn bản.

2. Hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 hoặc Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký), kèm theo bản sao văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện việc đăng ký mã số giao dịch chứng khoán;

b) Tài liệu nhận diện nhà đầu tư theo hướng dẫn tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này (đối với tổ chức) hoặc bản sao hợp lệ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cá nhân);

c) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có đại diện giao dịch, tài liệu bổ sung bao gồm:

- Văn bản ủy quyền đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu Thông tin về đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân) hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện giao dịch;

- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của đại diện giao dịch.

3. Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này phải bảo đảm:

a) Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 1, 2, 3, 14, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;

b) Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Nhà đầu tư nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính chính xác, hợp lệ, trung thực của hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về việc khai báo đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin do nhà đầu tư cung cấp trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

5. Nhà đầu tư nước ngoài không được xem xét cấp mã số giao dịch chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Đang bị điều tra hoặc đã từng bị cơ quan quản lý có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài xử phạt về các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật chứng khoán, hành vi rửa tiền hoặc có các hành vi vi phạm và bị xử phạt hành chính, hình sự trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản lý ngoại hối, thuế mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc không thực hiện đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó;

b) Bị hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm tính tới thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài được đăng ký mã số giao dịch chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư theo hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này. Việc đăng ký mã số giao dịch của các tổ chức này thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ hoặc bản gốc hợp đồng lưu ký giữa công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài ký với ngân hàng lưu ký;

c) Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.

7. Công ty chứng khoán nước ngoài được cấp hai (02) mã số giao dịch chứng khoán: một (01) mã số cho tài khoản tự doanh và một (01) mã số cho tài khoản môi giới của công ty.

8. Quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ (MIMF); tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư quốc tế liên chính phủ được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Mỗi danh mục đầu tư của tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư quốc tế liên chính phủ mà lưu ký tại một ngân hàng lưu ký thì được đăng ký một mã số giao dịch chứng khoán;

b) Mỗi danh mục đầu tư của quỹ MIMF quản lý bởi một công ty quản lý quỹ thì được đăng ký một mã số giao dịch chứng khoán; danh mục đầu tư do quỹ tự quản lý cũng được cấp một mã số giao dịch chứng khoán riêng.

9. Trường hợp quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 8 Điều này, công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một (01) mã số giao dịch chứng khoán thì hồ sơ đăng ký cấp bổ sung một (01) mã số giao dịch chứng khoán bao gồm tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, kèm theo tài liệu chứng minh tổ chức nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều này và bản sao giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán đã cấp trước đó.

Điều 5. Thay đổi phải báo cáo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

1. Trước khi thực hiện thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký, báo cáo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về những nội dung sau đây:

- a) Thay đổi đại diện giao dịch;
- b) Chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Hồ sơ báo cáo về các thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Báo cáo thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký), kèm theo bản sao văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);

b) Tùy vào nội dung thay đổi, các tài liệu bổ sung bao gồm:

- Tài liệu có liên quan về đại diện giao dịch mới quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này (nếu có), kèm theo thông báo về việc chấm dứt ủy quyền hoạt động cho đại diện giao dịch cũ;

- Báo cáo chi tiết về danh mục đầu tư trên tài khoản lưu ký cũ theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này; hợp đồng nguyên tắc hoặc thông báo của thành viên lưu ký cũ về việc thanh lý hợp đồng lưu ký; hợp đồng nguyên tắc về việc mở tài khoản lưu ký mới hoặc bản sao văn bản ủy quyền cho hoạt động lưu ký tại Việt Nam; hồ sơ đề nghị tất toán tài khoản lưu ký hoặc chuyển khoản chứng khoán theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký, báo cáo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về những thay đổi sau đây:

a) Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp;

b) Thay đổi tên; trụ sở chính; địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư hoặc của đại diện giao dịch (nếu có);

c) Thay đổi số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân); số giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương nhận diện nhà đầu tư tổ chức nước ngoài do cơ quan quản lý nhà nước ngoài cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này (đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức);

d) Thay đổi do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại.

4. Hồ sơ báo cáo về các thay đổi quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Tài liệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tùy vào tính chất thay đổi, các tài liệu bổ sung bao gồm: Văn bản của ngân hàng xác nhận tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới; bản sao hợp lệ hộ chiếu mới hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; bản sao hợp lệ các tài liệu xác

minh việc thay đổi tên, trụ sở chính, địa chỉ liên lạc, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và các nội dung khác; các tài liệu khác nhận diện nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

Trong trường hợp thay đổi tên, tài liệu xác nhận việc thay đổi tên là một trong các tài liệu sau:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc tài liệu tương đương xác minh nhà đầu tư nước ngoài đã thay đổi tên gọi, bao gồm tên cũ và tên mới của nhà đầu tư nước ngoài hoặc bản cáo bạch hoặc tài liệu tương đương của quỹ nước ngoài đã được đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nước ngoài nơi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động có ghi rõ việc đổi tên hoặc các tài liệu khác do cơ quan quản lý nước ngoài cấp hoặc trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý theo tên gọi mới (với số giấy phép thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc mã số thuế hoặc số tham chiếu khác không thay đổi) hoặc các tài liệu khác ghi tên mới kèm theo xác nhận của công chứng viên nước ngoài về việc thay đổi tên của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện báo cáo các thay đổi theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này theo trình tự sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài nộp đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này cho thành viên lưu ký;

b) Thành viên lưu ký thẩm định hồ sơ báo cáo về các thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài và khai báo thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

c) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin cung cấp bởi thành viên lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam điều chỉnh thông tin thay đổi theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài dưới hình thức xác nhận điện tử thông qua thành viên lưu ký hoặc chuyển danh mục chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài sang thành viên lưu ký mới (đối với thay đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này);

Các thay đổi nêu trên có hiệu lực kể từ khi có xác nhận điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trường hợp từ chối, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo về các thay đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để rà soát, lưu trữ. Hồ sơ phải bảo đảm đáp ứng quy định tại Khoản Điều 4 Thông tư này;

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận bằng văn bản các thay đổi theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký).

Điều 6. Đình chỉ giao dịch, hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán

1. Nhà đầu tư nước ngoài bị đình chỉ giao dịch tối đa sáu (06) tháng trong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài có những thông tin sai lệch, không chính xác hoặc hồ sơ bỏ sót những nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ;

b) Nhà đầu tư nước ngoài báo cáo, cung cấp tài liệu không trung thực, không chính xác, không kịp thời theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; không thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Chứng khoán và khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

d) Nhà đầu tư nước ngoài vi phạm quy định về quản lý ngoại hối theo pháp luật Việt Nam; không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định pháp luật.

2. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hủy mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 Thông tư này;

b) Quá thời hạn đình chỉ giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này mà những thiếu sót dẫn đến việc đình chỉ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài không được khắc phục;

c) Theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài: Trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài, thông qua thành viên lưu ký, gửi giấy đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hủy mã số giao dịch chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký), kèm theo bản sao văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện việc hủy mã số giao dịch chứng khoán (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư).

3. Nhà đầu tư nước ngoài bị hủy mã số giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, không được xem xét cấp lại mã số giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm kể từ thời điểm mã số giao dịch chứng khoán bị hủy bỏ.

Điều 7. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp

1. Mỗi nhà đầu tư nước ngoài được mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một (01) ngân hàng lưu ký được phép kinh doanh ngoại hối để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam.

2. Mọi hoạt động chuyên tiền để thực hiện các giao dịch, đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, các thanh toán khác liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài; nhận và sử dụng cổ tức, lợi tức được chia, mua ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động kinh doanh ngoại hối tại Việt Nam để chuyển ra nước ngoài và các giao dịch khác có liên quan đều phải thực hiện thông qua tài khoản này.

3. Trong nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài được mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để tiếp nhận vốn của các nhà đầu tư nước ngoài không có tài khoản vốn đầu tư gián tiếp và thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này. Trong trường hợp này, tài khoản vốn đầu tư gián tiếp đứng tên công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.

4. Đối tượng thực hiện, điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng, sử dụng và quản lý tài khoản vốn đầu tư gián tiếp thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 8. Tài khoản lưu ký chứng khoán

1. Trường hợp lưu ký tài sản tại ngân hàng lưu ký:

a) Sau khi đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư nước ngoài được mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký theo nguyên tắc cứ mỗi một mã số giao dịch chứng khoán được cấp thì chỉ được mở duy nhất một tài khoản lưu ký chứng khoán.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lưu ký chứng khoán tại tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại các công ty chứng khoán;

b) Việc mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký thực hiện theo các quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Mọi bút toán thanh toán, lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài đều phải được thực hiện trên tài khoản này.

2. Nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển toàn bộ danh mục chứng khoán từ một tài khoản lưu ký (tất toán tài khoản lưu ký) sang một tài khoản lưu ký khác. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tài sản tại ngân hàng lưu ký theo quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký mới, nhà đầu tư nước ngoài phải đóng tài khoản lưu ký hiện hành, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới. Thủ tục chuyển danh mục chứng

khoán giữa các tài khoản lưu ký thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và các quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Chương III

NGHĨA VỤ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Nghĩa vụ trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm:

a) Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài, tham gia đấu giá chứng khoán theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải tách biệt riêng các lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài với các lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư trong nước và của chính công ty, bảo đảm việc đầu tư chứng khoán, mua cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam;

c) Có trách nhiệm phân bổ công bằng và hợp lý tài sản cho từng nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với hợp đồng đã giao kết;

d) Trừ trường hợp quản lý tài khoản giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân theo quy định pháp luật, công ty chứng khoán không được đưa ra quyết định đầu tư thay cho khách hàng.

2. Khi thực hiện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm:

a) Tuân thủ các quy định pháp luật chứng khoán và pháp luật liên quan;

b) Thực hiện theo đúng chỉ thị giao dịch và thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài, không trực tiếp đưa ra các quyết định đầu tư bao gồm việc lựa chọn loại chứng khoán, số lượng, mức giá, thời điểm thực hiện giao dịch khi chưa nhận được lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;

c) Không được thông đồng với các nhà đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm mục đích giả tạo cung, cầu; giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác liên tục mua, bán để thao túng giá chứng khoán;

d) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi có yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài có trách

nhệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật liên quan và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản.

4. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xây dựng hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến và ban hành quy trình sử dụng hệ thống.

5. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quy định chi tiết các hình thức cảnh báo, cảnh cáo và tạm ngừng việc sử dụng hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của thành viên lưu ký trong trường hợp thành viên lưu ký không nộp đầy đủ danh mục hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4, điểm d khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

6. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được chấm dứt vô thời hạn việc sử dụng hệ thống đăng ký mã số giao dịch trực tuyến của thành viên lưu ký trong trường hợp thành viên lưu ký khai báo không trung thực thông tin để đăng ký mã số giao dịch về nhà đầu tư nước ngoài, đăng ký mã số giao dịch không, đăng ký mã số giao dịch không đúng đối tượng, sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Thành viên lưu ký chỉ được đăng ký mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài khi đã tiếp nhận đầy đủ danh mục hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Nghiêm cấm thành viên lưu ký đăng ký mã số giao dịch không, đăng ký mã số giao dịch không đúng đối tượng. Trường hợp thành viên lưu ký đăng ký mã số giao dịch không, không đúng đối tượng thì phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm, kể cả nghĩa vụ tài chính đối với các giao dịch đã thực hiện trên tài khoản giao dịch mở trên cơ sở mã số giao dịch chứng khoán đó.

Điều 10. Nghĩa vụ báo cáo trong hoạt động đầu tư nước ngoài

1. Thành viên lưu ký phải lập và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về các hoạt động lưu ký tài sản trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài. Các tài liệu này phải được cung cấp cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền, kể cả các tài liệu thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định về thông tin và bảo mật thông tin nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

2. Thành viên lưu ký phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hàng tháng số liệu thống kê về tài khoản lưu ký và danh mục tài sản của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thành viên lưu ký là chi nhánh tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng một trăm phần trăm (100%) vốn nước ngoài thành lập tại Việt Nam thì phải bổ sung báo cáo về hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của mình theo mẫu quy định tại phần IV Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, tài khoản góp vốn mua cổ phần phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hai (02) tuần một lần về hoạt động chu chuyển vốn của nhà

đầu tư nước ngoài trên các tài khoản này theo mẫu quy định tại phần III Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán phải báo cáo định kỳ hàng tháng về hoạt động quản lý danh mục đầu tư, đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm báo cáo về hoạt động đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam định kỳ hàng tháng báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

a) Hoạt động cấp mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài và các thay đổi của nhà đầu tư (nếu có) theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cập nhật đầy đủ dữ liệu về nhà đầu tư nước ngoài và danh mục của nhà đầu tư nước ngoài theo hệ thống quản lý hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Sở Giao dịch Chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ (ngày, tháng, năm) về hoạt động giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thời hạn nộp báo cáo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này như sau:

a) Trước 16h hàng ngày đối với các báo cáo ngày;

b) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, sau ngày 15 và 30 hàng tháng đối với báo cáo về hoạt động chu chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài;

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng đối với các báo cáo tháng;

d) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm đối với các báo cáo năm.

9. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký, đại diện giao dịch hoặc nhà đầu tư trực tiếp báo cáo về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài.

10. Thời hạn nộp báo cáo quy định tại khoản 9 Điều này là bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

11. Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký quy định tại Điều này phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là năm (05) năm.

12. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tự thực hiện hoặc chỉ định một (01) thành viên lưu ký hoặc một (01) tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc văn phòng đại diện của mình (nếu có) hoặc một (01) tổ chức khác hoặc ủy quyền cho một cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định pháp luật;

b) Nhóm các nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm chỉ định một (01) thành viên lưu ký hoặc một (01) tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc văn phòng đại diện của mình (nếu có) hoặc một (01) tổ chức khác hoặc ủy quyền cho một (01) cá nhân, thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thông báo về việc chỉ định hoặc thay đổi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước khi việc chỉ định hoặc ủy quyền có hiệu lực, kèm theo bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy đăng ký thành lập quỹ hoặc tài liệu tương đương (của tổ chức được chỉ định) hoặc bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân) hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (của cá nhân được ủy quyền);

c) Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình để tổ chức được chỉ định hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

d) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan phát sinh trong trường hợp:

- Tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan đạt từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành, từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn sở hữu tỷ lệ đạt tới các mức nêu trên;

- Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành, sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, thực hiện giao dịch dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1%;

- Nhà đầu tư nước ngoài hoặc trong nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có nhà đầu tư là người nội bộ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Quy định tại điểm này không áp dụng trong trường hợp tỷ lệ thay đổi do tổ chức phát hành giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

đ) Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 18, Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời điểm báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương IV

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 11. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng; doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng; tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán, cổ phiếu không có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, chứng khoán phái sinh, chứng chỉ lưu ký được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP).

2. Công ty đại chúng có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty. Danh mục về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh (nếu có) thực hiện theo Điều ước quốc tế, quy định pháp luật đầu tư, pháp luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Công ty đại chúng không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP khi muốn hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế thì phải quy định rõ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Điều lệ công ty. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty được thực hiện dưới hình thức triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản theo quy định pháp luật doanh nghiệp.

4. Trường hợp thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh, tổ chức lại công ty hoặc quy định pháp luật thay đổi dẫn tới công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế vượt mức tối đa quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty.

5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức kinh doanh chứng khoán là không bị hạn chế, trong đó:

a) Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 21 và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán;

b) Mỗi nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, tổ chức khác chỉ được sở hữu dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong tổ chức kinh doanh chứng khoán phải được quy định tại Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, trừ trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán không hạn chế sở hữu nước ngoài.

Điều 12. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của công ty đại chúng về sở hữu nước ngoài

1. Công ty đại chúng có các hoạt động làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin. Các trường hợp phải báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài bao gồm:

a) Công ty đại chúng không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

b) Khi đăng ký công ty đại chúng hoặc chào bán, phát hành chứng khoán, công ty đại chúng thực hiện điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

c) Tổ chức lại công ty bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập dẫn tới việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

d) Thay đổi ngành nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

đ) Điều ước quốc tế hoặc pháp luật có liên quan có sự thay đổi về quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà công ty đại chúng đang hoạt động trong ngành, nghề đó.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài quy định tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này. Đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này được thực hiện cùng với việc báo cáo, công bố thông tin khi đăng ký công ty đại chúng, đăng ký chào bán, phát hành hoặc tổ chức lại công ty theo quy định pháp luật.

Điều 13. Trình tự, thủ tục, hồ sơ báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng

1. Hồ sơ báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng quy định tại điểm a, d và đ khoản 1 Điều 12 Thông tư này bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Tài liệu bổ sung bao gồm:

- Trường hợp là công ty đại chúng không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP thì bổ sung:

Trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác minh công ty hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài; biên bản họp và nghị quyết của hội đồng quản trị về việc không hạn chế sở hữu nước ngoài (trong trường hợp công ty không hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài) hoặc biên bản họp, nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc hạn chế sở hữu nước ngoài và điều lệ công ty có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (trong trường hợp công ty có hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài);

- Trường hợp là công ty đại chúng bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP thì bổ sung:

Trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có) áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan, điều ước quốc tế hoặc tài liệu khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác định ngành nghề đầu tư kinh doanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với công ty;

- Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng thì bổ sung:

Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo của công ty.

3. Thời hạn nêu trên không bao gồm thời gian Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xác nhận thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Không có ngành nghề đầu tư kinh doanh hoặc phạm vi hoạt động của ngành nghề đầu tư kinh doanh không rõ ràng hoặc có sự không thống nhất giữa ngành nghề đầu tư kinh doanh tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ngành nghề đầu tư kinh doanh trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia,

Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các ngành, nghề đầu tư kinh doanh;

b) Công ty hoạt động trong các ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Việt Nam chưa có cam kết theo các điều ước quốc tế.

4. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty đại chúng công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty và thông báo với Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với công ty niêm yết và đăng ký giao dịch), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty.

5. Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện giao dịch chứng khoán theo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa ngay sau khi công ty đại chúng công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định tại khoản 4 Điều này, ngoại trừ trường hợp đăng ký công ty đại chúng.

Điều 14. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

1. Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 21 và khoản 24 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP muốn sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán phải thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán mà mình muốn sở hữu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cho nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ tại tổ chức kinh doanh chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị chấp thuận giao dịch làm tăng tỷ lệ sở hữu lên trên 51% vốn điều lệ tổ chức kinh doanh chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hợp đồng nguyên tắc về giao dịch cổ phần, phần vốn góp giữa các bên tham gia giao dịch (nếu có); kèm theo văn bản của tổ chức nước ngoài ủy quyền cho tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận giao dịch;

c) Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;

d) Bản sao hợp lệ Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu tổ chức nước ngoài về việc mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;

đ) Bản sao Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu tổ chức kinh doanh chứng khoán về việc cho phép tổ chức nước ngoài mua để sở hữu trên 51% vốn điều lệ

của tổ chức kinh doanh chứng khoán (trừ trường hợp tổ chức nước ngoài thực hiện chào mua công khai theo quy định pháp luật); kèm theo Điều lệ công ty (nếu có sửa đổi, bổ sung);

e) Cam kết tổ chức nước ngoài chỉ sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác để mua và không thuộc các trường hợp hạn chế sở hữu theo quy định tại điểm c khoản 7 và điểm c khoản 8 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

g) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán và các báo cáo tài chính quý gần nhất. Nếu tổ chức nước ngoài là công ty mẹ thì phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán. Thông tin trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán phải bảo đảm tổ chức nước ngoài đáp ứng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

h) Xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài nơi mà tổ chức nước ngoài có trụ sở chính về việc tổ chức nước ngoài không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đang trong tình trạng cảnh báo khác và các tài liệu khác chứng minh tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được một tổ chức có chức năng dịch thuật theo quy định pháp luật Việt Nam dịch chứng thực sang tiếng Việt. Các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp phải được công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật liên quan. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giao dịch được lập thành một (01) bản gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quyết định chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được thực hiện giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Các bên liên quan phải hoàn tất các thủ tục giao dịch đã được chấp thuận trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực. Trường hợp không hoàn tất chuyển nhượng trong thời hạn nêu trên, văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước mặc nhiên hết hiệu lực.

Sau khi đã được chấp thuận để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên tại một tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức nước ngoài không phải thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp thực hiện các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của mình tại tổ chức kinh doanh chứng khoán đó, bao gồm cả các trường hợp chào bán, chào mua công khai quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này.

6. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày giao dịch chuyển nhượng đã hoàn tất, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải báo cáo kết quả giao dịch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng mà kết quả chào bán dẫn đến việc có một nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên thì tổ chức kinh doanh chứng khoán có trách nhiệm bổ sung tại hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán các tài liệu có liên quan quy định tại khoản 2 Điều này và tuân thủ các quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

8. Trường hợp tổ chức nước ngoài dự kiến mua để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức kinh doanh chứng khoán là công ty đại chúng, tổ chức nước ngoài có trách nhiệm nộp một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, c, đ, e, g, h khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tuân thủ các quy định pháp luật chứng khoán về chào mua công khai.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 và thay thế cho Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký hoàn thiện hệ thống để tổ chức triển khai cấp mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực, việc cấp mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh thông tin được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện trên cơ sở bộ hồ sơ lập theo quy định tại Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam hoặc bộ hồ sơ lập theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện. *Bau*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện KSNĐTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK; 300.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Phụ lục 1/ Appendix 1
GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH
(áp dụng cho tổ chức)

**Securities Trading Code Application Form for Foreign Institutional
Investors to Invest in Vietnam's Securities Market**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

1. Tên/ Applicant (Applicant's name shall be same as indicated on supporting identification documents)	
2. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Certificate for Business Registration:	
3. Ngày thành lập/ Establishment Date:	
4. Quốc gia nơi thành lập/ Country of domicile	
5. Địa chỉ/ Address	
6. Loại hình tổ chức/ Type of Applicant	
7. Please check applicable box and fill in relevant information, as appropriate	
<input type="checkbox"/> Quỹ đầu tư / If Applicant is a fund.	<input type="checkbox"/> Không phải là quỹ đầu tư/ If Applicant is not a fund.
Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Quỹ dạng pháp nhân/ a fund established as a corporation. <input type="checkbox"/> Quỹ tín thác, dạng hợp đồng/ a trust fund, a contractual fund <input type="checkbox"/> Quỹ thành viên/ a fund established as a partnership <input type="checkbox"/> Quỹ hưu trí/ a pension fund	Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Ngân hàng thương mại/ a commercial/merchant bank <input type="checkbox"/> Ngân hàng đầu tư / Investment bank <input type="checkbox"/> Công ty bảo hiểm/ an insurance company <input type="checkbox"/> Công ty chứng khoán/ a broker firm or a futures commission merchant

<input type="checkbox"/> Quỹ mở (quỹ tương hỗ)/ a mutual fund/ open-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ đóng/ a closed-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ ETF, Quỹ chỉ số/ETF funds, Index Funds <input type="checkbox"/> Hợp đồng ủy thác/ discretionary account <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others _____	<input type="checkbox"/> Công ty quản lý quỹ/ a fund (asset) management company <input type="checkbox"/> Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài/ Branch of a foreign fund (asset) management company in Vietnam <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others _____ ¹
<p>Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau/ If Applicant is a sub-fund or fund of a feeder fund/ master fund or Multiple Investment Managers fund being a foreign governmental/ inter-governmental organization, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate.</p> <p>Mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức liên quan theo quy định tại khoản 7 Điều 2/ Trading Code of Foreign Related Parties according to Art 2.7.</p> <p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the above STC holder:</p> <input type="checkbox"/> Quỹ con/Sub-Fund to Fund <input type="checkbox"/> Quỹ được tài trợ từ một quỹ/Fund to Master/ Feeder Fund <input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/MIM Fund	<p>Trường hợp là công ty chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau /If Applicant is a broker firm, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate:</p> <input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản môi giới/Trading code for broker (customers) account <input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản tự doanh/Trading code for own account <p>Trường hợp công ty chứng khoán/ công ty mẹ/ bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về mã số đã được cấp, ngày cấp/ If the Applicant is a broker/ subsidiary of institution which has been granted with a trading code, please provide below details:</p> <p>Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the affiliated institution:</p>

¹ Ghi rõ (Specify)

<input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ/ Managed, advised by the same Fund manager <input type="checkbox"/> Quỹ có cùng một đại diện giao dịch/ Traded by the same Agent <input type="checkbox"/> Tổ chức nước ngoài thuộc chính phủ, liên chính phủ/ Foreign governmental/ inter-governmental organization <input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other	<input type="checkbox"/> Là công ty con/ Subsidiary of a parent company <input type="checkbox"/> Là công ty trong cùng tập đoàn/ Company in the same group <input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other
<p>7. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có)/ Foreign Related person in Vietnam (if any):</p> <p>a. Người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.a)</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>b. Người có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.b)</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>c. Người có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.c)</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>d. Người có liên quan theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.d)</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p>	

Trading Code

đ. Người có liên quan theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 2

(Related person according to Art 2.7.đ)

- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/
Trading Code

- Tên/ Name:.....Mã số giao dịch chứng khoán/
Trading Code

8. Phương án kinh doanh tại Việt Nam/Investment Objective in Vietnam:

- Dài hạn/Long-term
- Ngắn hạn/Short-term

Quy mô vốn tối đa dự kiến đầu tư/ Maximium Portfolio Value (in USD):

Thời hạn dự kiến đầu tư/ Investment horizon (in years)

Cơ cấu tài sản dự kiến/ Asset Allocation

Asset/Công cụ	Fixed-Income/Trái phiếu			Equity/Cổ phiếu		Real Estate/Bất động sản	Others/Các công cụ khác
	Ngắn hạn/ Short-term (<1 year)	Trung hạn/ Mid-Term (1-2 year)	Dài hạn/ Long Term (>2 years)	Listed/ Niêm yết	Unlisted /Chưa niêm yết		
Maturity							
Asset Allocation (%)							

9. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

Declaration: (effective from the date this registration from is signed)

9.1 Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/ Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:

Pursuant to the Articles on Memorandum of Incorporation or other corporate documents or agreements of the establishment of the applicant, the nature of applicant's overall investment or trading strategy is for the following purposes (please check the appropriate box):

- Investment/đầu tư
- Hedging/đầu cơ

9.2 Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.

We hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.

9.3 Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.

We hereby undertake to comply to all laws and regulations on securities trading of Vietnam and do not take any action to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.

10. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).

Background Information on Applicant (if the applicant is not a fund):

Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phần vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư	Quốc tịch/ Quốc gia nơi thành lập	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ CMTND/ Hộ chiếu
Names of the Shareholders who own 5% or more of Applicant's share capital.	Nationality/ County of domicile	Certificate For Business Registration/ ID card/ Passport

11. Các thông tin khác / Other Information (Please mark N/A, if such item is not applicable)

	Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax
Công ty Quản lý quỹ nước ngoài (nếu có) Foreign Asset Management Company (if any)	
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if any)	

Tổ chức nhận ủy thác/Ngân hàng Giám sát (nếu có) Trustee (if any)	
Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	
Công ty Chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả) Vietnamese Broker Firms	
Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) Representative Office in Vietnam (if any)	
Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)/Traded Representative in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)/Information Disclosure Agent (if any)	
Người liên lạc (nếu có)/Contact person (if any)	
Hồ sơ kèm theo Attachments	

Tổ chức đăng ký

Applicant: _____

Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có)

Name, Signature and Seal (if any)

of Authorized Signatory: _____

Chức danh

Title: _____

Ngày thực hiện

Execution Date: _____

Phụ lục 2/Appendix 2
GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH
(áp dụng cho cá nhân)

**Securities Trading Code Application Form for Foreign Individual Investors
to Invest in Vietnam's Securities Markets**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
To: VietNam Securities Depository

1. Họ và Tên: Name:	Giới tính: Sex:
2. Ngày sinh: Date of birth:	Nơi sinh: Place of birth:
3. Quốc tịch: Nationality:	
4. Địa chỉ thường trú: Permanent address:	
5. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài: Oversea's residential address:	
6. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có): Residential address in Vietnam (if any):	Tel/Fax: Tel/Fax:
7. Số an sinh xã hội: ID card/ or Social security Number (If any)	
Nơi cấp: Place of issue	Ngày cấp: Date of issue:

8. Số Hộ chiếu: Passport number: Nơi cấp: Place of issue:	Ngày cấp: Date of issue: Thời hạn: Expiry date:
9. Công ty chứng khoán tại Việt Nam, Đại diện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Broker firms in Vietnam/ Trade Representative/ Agent (if any):	
Tên Name	Số Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Number of Certificate For Business Registration
	Địa chỉ liên lạc Address
	Tel/fax/Email
	Đại diện giao dịch (nếu có) Trade Representative/Agent (if any)
	Tel/fax/Email
10. Các thông tin khác Other Information	Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if any)	
Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	

Công ty Chứng khoán tại Việt Nam Broker firms in Vietnam	
Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Trade Representative/ Agent in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin/ Information Disclosure Agent	
<p>11. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký) Declaration: (effective from the date this registration form is signed)</p> <p>11.1 Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. I hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.</p> <p>2 Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.</p> <p>3 Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và hiện nay chưa bị xử phạt về các hành vi lừa đảo, thao túng, giao dịch nội bộ ở nước sở tại cũng như ở nước ngoài. I hereby certify that I am not and have not been convicted of any fraud, manipulation, or insider trading offences either inside the country of birth, of permanent residence or of any other country (applicable to individual investor).</p> <p style="text-align: right;">Ngày...tháng...năm Date...month...year.... Chữ ký của nhà đầu tư (Investor's signature)</p> <p>Hồ sơ kèm theo Attachments</p>	

Phụ lục 3/ Appendix 3
MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION
CHANGE

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor's name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

STT	Nội dung cũ Original Information	Nội dung mới New Information
1.	Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address	
	Tên cũ: Original Name	Tên mới (nếu có) New Name (if any)
	Địa chỉ cũ Original Address	Địa chỉ mới (nếu có) New Address (if any)
	Tel/Fax/Email	Tel/Fax/Email (if any/ nếu có)
	Số đăng ký NSH	Số đăng ký NSH mới (nếu có)
2.	Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian	
	Thành viên lưu ký cũ Original Custodian	Thành viên lưu ký mới (nếu có) New Custodian (if any)
	Địa chỉ Address	Địa chỉ Address

	Điện thoại Tel/Fax Số tài khoản lưu ký	Điện thoại Tel/Fax Số tài khoản lưu ký mới
3.	Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp Change of bank where the client open foreign indirect investment account	
	Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ) Old bank Địa chỉ Address Điện thoại Tel/Fax Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ Foreign Indirect Investment Account	Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có) New bank Địa chỉ Address Điện thoại Tel/Fax Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới New Foreign Indirect Investment Account (if any)
4.	Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative	
	Đại diện giao dịch cũ Old trading representative Tên/ Name: Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: Địa chỉ liên lạc/ Address: Điện thoại/ Tel: Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading	Đại diện giao dịch mới (nếu có) New trading representative Tên/ Name: Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: Địa chỉ liên lạc/ Address: Điện thoại/ Tel: Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading
5.	Chuyển danh mục/ Change of brokers	

<p>Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)</p> <p>Địa chỉ Address</p> <p>Điện thoại Tel/Fax</p> <p>Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư) Investor's Name</p> <p>Số tài khoản chuyển: Sending Securities Account No</p>	<p>Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor)</p> <p>Địa chỉ Address</p> <p>Điện thoại Tel/Fax</p> <p>Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư) Investor's Name</p> <p>Số tài khoản nhận: Receiving Securities Account No</p>
<p>6. Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền ... (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.</p> <p>Other changes compared to information previously filled in application form such as Type of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)... shall be reported by law.</p>	
<p>7. Thông tin về người liên lạc/ Contact person</p>	
<p>Họ tên người liên lạc/ Name of contact person</p> <p>Địa chỉ/ Address:</p> <p>Điện thoại/Tel:</p> <p>Email:</p>	
<p>Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)</p> <p>Declaration: (effective from the date this registration form is signed)</p> <p>1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.</p> <p>I hereby certify that all the information above is correct, the attached</p>	

	<p>documents and the contents therein are true and accurate.</p> <p>2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.</p> <p>I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial/ securities market.</p> <p>3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.</p> <p>I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document.</p>
	<p>Hồ sơ kèm theo Attachments</p>
	<p>Nhà đầu tư: Applicant: _____</p> <p>Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền Name and Signature of Authorized Signatory: _____</p> <p>Chức danh Title: _____</p> <p>Ngày thực hiện Execution Date: _____</p>

Phụ lục 4/ Appendix 4

MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DANH MỤC LƯU KÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

TÊN THÀNH VIÊN LƯU KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....số công văn

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo thống kê tài sản lưu ký của NĐTNN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Thời điểm báo cáo ngày ... tháng năm

I. Báo cáo chi tiết theo danh mục

	Danh mục (theo mã chứng khoán)	Số lượng chứng khoán lưu ký		
		Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo trước	Thay đổi so với kỳ báo cáo trước(+/-)
A. Tín phiếu				
B. Trái phiếu				
Trái phiếu Chính phủ				

...				
Trái phiếu chính quyền địa phương				
...				
Trái phiếu doanh nghiệp				
...				
C. Cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết				
....				
Cổ phiếu công ty đại chúng đăng ký giao dịch (upcom)				
....				
Giá trị vốn góp mua cổ phần, đơn vị quỹ thành viên				
.....				
C. Chứng chỉ quỹ				
.....				

IV. Hoạt động kinh doanh chứng khoán của thành viên lưu ký là chi nhánh các tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài thành lập tại Việt Nam

STT	Mã chứng khoán	Mua trong kỳ		Bán trong kỳ		Mua thuần trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3) – (5)	(8) = (4) – (6)	(9)	(10)
A	Tín phiếu								
1									
2									
.....									
	Tổng								
B	Trái phiếu								
B1	Trái phiếu có thời gian tới khi đáo hạn còn lại dưới 12 tháng								
1									
2									
...									
	Tổng								
B2	Trái phiếu có thời gian tới khi đáo hạn còn lại từ 12 tháng tới 24 tháng								

1									
2									
....									
	Tổng								
B3	Trái phiếu có thời gian tới khi đáo hạn còn lại từ 24 tháng tới 60 tháng								
1									
2									
....									
	Tổng								
B4	Trái phiếu có thời gian đáo hạn trên 60 tháng								
1									
2									
....									
	Tổng								
C	Cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ niêm yết								
1									
2									

...									
	Tổng								
D	Cổ phiếu công ty đại chúng đăng ký giao dịch (upcom)								
1									
2									
...									
	Tổng								
Đ	Giá trị vốn góp mua cổ phần, đơn vị quỹ thành viên								
1									
2									
...									
	Tổng								
E	Các loại chứng khoán khác								
1									
2									

....									
	Tổng								
F	Chứng chỉ tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác								
1	Tiền mặt								
2	Chứng chỉ tiền gửi								
....									
	Tổng								
	Tổng								

Ghi chú:

- 1) Giá trị chứng khoán tính theo giá thị trường vào thời điểm báo cáo; đối với chứng khoán không có thị trường giao dịch, giá trị tính theo giá mua vào hoặc mệnh giá.
- 2) Giá trị chứng khoán, giá trị danh mục và số dư tiền gửi tính theo đơn vị VND;

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ chính xác của nội dung Giấy thông báo này và tài liệu kèm theo.

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục 5/ Appendix 5

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....số công văn

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo hoạt động quản lý danh mục đầu tư/đầu tư
theo chỉ định cho NDTNN

Báo cáo về hoạt động quản lý danh mục đầu tư/chỉ định đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài
(tháng/ năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Báo cáo hoạt động quản lý danh mục đầu tư

1. Thông tin chi tiết về các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư phát sinh, tất toán hoặc hết hiệu lực trong kỳ

STT	Tên nhà đầu tư	MSGD của nhà đầu tư (nếu có)	Quốc tịch	Số Giấy NSH	Loại hình hoạt động*	Số tài khoản giao dịch, nơi mở (nếu có)**	Số tài khoản lưu ký, nơi mở (nếu có)**	Số Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, nơi mở (nếu có)**	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư		
									Quy mô vốn ủy thác (VND hoặc USD)	Thời hạn hợp đồng	Tình trạng hợp đồng***
A- Tổ chức											

1											
2											
.....											
B – Cá nhân											
1											
2											
.....											
Tổng											

* Loại hình hoạt động nêu chi tiết:

- Quỹ hưu trí;
- Quỹ có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ không có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ từ thiện/phi lợi nhuận;
- Quỹ từ các tổ chức khoa học;

1									
2									
.....									
Tổng									

* Loại hình hoạt động nêu chi tiết:

- Quỹ hưu trí;
- Quỹ có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ không có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ từ thiện/phi lợi nhuận;
- Quỹ từ các tổ chức khoa học;
- Công ty chứng khoán;

Phụ lục 6/ Appendix 6

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(tháng/năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

**TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN/
ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

Số:.....số công văn
V/v báo cáo hoạt động tháng...

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin chi tiết về khách hàng nước ngoài

STT	Tên nhà đầu tư	MSGD của nhà đầu tư	Quốc tịch	Số Giấy NSH	Loại hình hoạt động*	Số tài khoản giao dịch/nơi mở	Số tài khoản lưu ký/nơi mở	Số Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp/nơi mở	Tình trạng hợp đồng**
A- Tổ chức									
1									
2									

.....									
B – Cá nhân									
1									
2									
.....									
Tổng									

*** Loại hình hoạt động nêu chi tiết:**

- Quỹ hưu trí;
- Quỹ có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ không có tư cách pháp nhân (dạng đóng/dạng mở);
- Quỹ từ thiện/phi lợi nhuận;
- Quỹ từ các tổ chức khoa học;
- Công ty chứng khoán;
- Ngân hàng (đầu tư/thương mại);
- Công ty bảo hiểm;
- Các loại khác

**** Tình trạng hợp đồng (còn hiệu lực hoặc hết hiệu lực)**

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Giấy thông báo này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục 7/ Appendix 7

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẬP MÃ SỐ GIAO DỊCH CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN
(tháng/năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

**TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG
KHOÁN VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

Số:.....số công văn
V/v báo cáo hoạt động tháng...

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung

Nhà đầu tư		Kỳ báo cáo	Chênh lệch so với kỳ báo cáo trước Tăng/Giảm (+/-)	Tổng số lượng tới thời điểm báo cáo
Cá nhân				
Tổ chức				
Tổng				

II. Danh sách nhà đầu tư nước ngoài được cấp MSGD trong kỳ báo cáo

STT	Tên nhà đầu tư	Loại hình doanh nghiệp	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc	MSGD	Thành viên lưu ký	Đại diện giao dịch/Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ*
A - Tổ chức							
1							
.....							
Tổng							
B- Cá nhân							
1							
.....							
Tổng							

Ghi chú: * Nêu chi tiết thông tin về người cung cấp dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam (đại diện giao dịch hoặc Công ty chứng khoán hoặc Công ty quản lý quỹ),

bao gồm: tên, số CMND (số Giấy phép thành lập và hoạt động), địa chỉ liên lạc (địa chỉ trụ sở), tel/fax/email.

Tài liệu kèm theo báo cáo tháng:

1- Bản sao Hồ sơ đăng ký Mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đã được cấp Mã số giao dịch chứng

khoản trong tháng

2- Bản sao các tài liệu báo cáo/thông báo về những thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 5 Thông tư này

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 8/ Appendix 8

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(ngày/tháng/năm)

Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....số công văn
V/v báo cáo ngày/tháng/năm...

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Cổ phiếu				Tín phiếu				Trái phiếu			
Mua		Bán		Mua		Bán		Mua		Bán	
Khối lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Khối lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Khối lượng	Giá trị (tỷ đồng)

Ghi chú: Giá trị được tính theo giá thị trường hoặc theo mệnh giá, giá mua vào (trong trường hợp không có giá thị trường)

II. Chi tiết giao dịch thỏa thuận chứng khoán của các nhà đầu tư nước ngoài trong ngày

STT	Ngày	Mã chứng khoán	Khối lượng	Giá	Giá trị	Bên mua		Bên bán	
						Danh tính	Tài khoản mua	Danh tính	Tài khoản bán
A- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ									
A1- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết									
1									
2									
..									
(I)	Tổng khối lượng/giá trị								
A2- Cổ phiếu công ty đại chúng đăng ký giao dịch									
1									
2									
..									
(II)	Tổng khối lượng/giá trị								
(III)= (I)+(II)	Tổng khối lượng/giá trị								
B. Tín phiếu									
1									
2									

...									
(IV)	Tổng khối lượng/giá trị								
C- Trái phiếu									
C1- Trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng									
1									
2									
...									
(V)	Tổng khối lượng/giá trị								
C2- Trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng tới 24 tháng									
1									
2									
...									
(VI)	Tổng khối lượng/giá trị								
(VII)	Tổng khối lượng/giá trị								
C3- Trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại trên 24 tháng									
1									
2									

...									
(VIII)	Tổng khối lượng/giá trị								
(IX) = (V) + (VI) + (VII) + (VIII)	Tổng khối lượng/giá trị								
(X) = (III) + (VIII) + (IX)	Tổng khối lượng/giá trị								

Lưu ý: Giá trị = Khối lượng × Giá

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 9/ Appendix 9

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
GIAO DỊCH ĐỂ SỞ HỮU TỪ 51% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN TẠI TỔ
CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI GIAO
DỊCH ĐỂ SỞ HỮU TỪ 51% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN TẠI TỔ CHỨC
KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Tổ chức kinh doanh chứng khoán (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:...

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tổ chức nước ngoài dưới đây được thực hiện các giao dịch để sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên:

- Bên mua
 - + Tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nước ngoài
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với tổ chức)..... hoặc số chứng minh thư nhân dân/ số hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài)...., nơi cấp....
 - + Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp trước giao dịch tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu
 - + Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến mua..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu
 - + Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến sau giao dịch..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

Trường hợp là công ty chưa đại chúng thì phải bổ sung thêm thông tin của bên bán

- Bên bán

+ Tên cổ đông, thành viên góp vốn bên bán:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với tổ chức)... hoặc số chứng minh thư nhân dân/ số hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài)..., nơi cấp....

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp trước giao dịch..... tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến chuyển nhượng tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Số lượng cổ phần, giá trị vốn góp dự kiến sau giao dịch tương đương với.....% tỷ lệ sở hữu

+ Trị giá chuyển nhượng....(tính theo đồng Việt Nam)

Chúng tôi cam kết hoàn tất các thủ tục giao dịch thay đổi quyền sở hữu cổ phần, vốn góp hoặc tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ gửi kèm.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 10/ Appendix 10

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI CHO ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**POWER OF ATTORNEY FOR VIETNAM BASED
TRADING REPRESENTATIVE/ AGENT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

I. Thông tin về các bên có liên quan

I. Information on relating parties

Chúng tôi là:

We,

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/ đăng ký kinh doanh)/ Full name, transaction name, abbreviation name of Investor (the names should be input in capital letter and consistent with that on Certificate of Incorporation/ Certification of business registration):
2. Loại hình nhà đầu tư/ Category: Cá nhân/ Individual
Tổ chức/ Institution
3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư /địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.....
Head office address:
Tel.....fax.....email.....
4. Quốc tịch của nhà đầu tư/Certificate of Incorporation:
5. Giấy đăng ký NSH²/ Business License
number.....
Do/ issued by:..... cấp ngày/ dated
.....tháng.....năm.....

² Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam

Có hiệu lực tới ngày/ valid to
.....tháng.....năm.....

6. Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Code number (if any):

Ngày cấp/ issued on:

7. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/ Securities Custody number (if any):

Số tài khoản/ Securities Custody number :.....
.....

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Custodian name:.....

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address of the custodian.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/ Depository License Number.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm...../ issued by State Securities Commission on.....

8. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Number:

Số tài khoản/ Securities Trading Number:.....
.....

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Securities Company Name:.....

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/ Address of Securities Company.....

Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....Business License number..... issued by State Securities Commission on.....

9. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Foreign Indirect Investment Account Number:

Số tài khoản/ Account number:.....
.....

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Bank name.....

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address:.....

Là đại diện giao dịch duy nhất cho(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp, thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin theo sự chỉ định, ủy quyền của (tên nhà đầu tư nước ngoài).

To be the sole trading representative for <name of foreign institutional investor> for trading activities, shareholder's rights, reporting, information disclosure in accordance with the power of attorney of <name of foreign institutional investor>.

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của.....(tên nhà đầu tư nước ngoài).

This power of attorney shall be valid until <Name of the foreign investor> issues a written notice of revocation.

**ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH
TRADING REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, name, title)*

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU
TƯ NƯỚC NGOÀI/ AUTHORIZED SIGNATORY
FROM FOREIGN INVESTOR**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)/
(Signature, name, title)*

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CERTIFIED BY AUTHORIZED NOTARY PUBLIC OR AUTHORIZED AUTHORITY**

Phụ lục11/ Appendix 11

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU
TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....,ngày ... tháng ... năm ...

Place, date

**INFORMATION ON VIETNAM BASED TRADING
REPRESENTATIVE/ AGENT**

1. Họ và tên : Nam/ Nữ:
Full name: Gender:
Bí danh (nếu có):
Nickname (if any):
2. Ngày tháng năm sinh :
Date of birth:
3. Nơi sinh :
Place of birth:
4. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):
ID card/Passport number (or other equivalent documents):
5. Quốc tịch :
Nationality:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :
Resident address:
7. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
Permanent address:

Tel: Fax: Email:

8. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài:

Permanent addresss overseas:

Tel: Fax Email:

9. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có):

Permanent address in Vietnam (if any):

Tel: Fax Email:

10. Trình độ văn hoá:

Qualification:

11. Trình độ chuyên môn:

Major qualification:

12. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc):

Work for (Full name, abbreviated name of the employer):

Địa chỉ nơi làm việc:

Working address:

Tel: Fax Email:

Vị trí công tác:

Position:

13. Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN):

Certificate on Conduiting securities business:

Số: Loại CCHN: Nơi cấp:

Number: Type: Issued by:

14. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Education background and Qualifications:

Thời gian Time	Nơi đào tạo Training organisation	Chuyên ngành đào tạo Training major

15. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

Work experience (details on occupation, position, department, performance)

Thời gian Time	Nơi làm việc Employer	Chức vụ/Vị trí công tác/Trách nhiệm Position/ Department/Responsibilities	Kết quả công tác Performance

16. Hoạt động giao dịch theo chỉ định của các nhà đầu tư trong và ngoài nước khác (nếu có):

Trading under power of attorney of other domestic and foreign investors (if any):

TT No	Tên nhà đầu tư Investor's name	MSGD (nếu có) Securities trading code (if any)	Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký Depository account/member	Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán Trading Account/ Securities company	Thời hạn hợp đồng Contractual period
1					
2					
...					

17. Thông tin về tài khoản giao dịch cá nhân của đại diện giao dịch:

Information on personal trading account of Vietnam based trading representative/ agent:

STT No	Tên nhà đầu tư Investor's name	Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký Depository account/member	Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán Trading account/ Securities company
1			
2			

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

I hereby commit to take full responsibilities for the earnestness, completion and exactness of the content of this Information form and all attached documents.

**CERTIFIED BY AUTHORIZED
AUTHORITY**

**(Local authority or Employer or
diplomatic representative in Vietnam in
case of foreign individual
representative)**

NGƯỜI KHAI

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Phụ lục 12/ Appendix 12

TÀI LIỆU NHẬN DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

1. Tài liệu nhận diện nhà đầu tư nước ngoài:

(i) Đối với nhà đầu tư là tổ chức

- Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (certificate for business registration) hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh; giấy phép thành lập tổ chức và chi nhánh tại Việt Nam (đối với chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập.

Trường hợp là quỹ đầu cơ (hedge fund), tài liệu bắt buộc bổ sung bao gồm: điều lệ quỹ; hoặc tài liệu khác giải thích chi tiết về chiến lược đầu tư của quỹ.

Trường hợp theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc xác nhận việc lập quỹ, quỹ đầu tư nước ngoài có thể nộp một trong các tài liệu sau đây để thay thế:

- Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử (website) của cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài; hoặc

- Điều lệ quỹ (the articles of incorporation, the fund charter), bản cáo bạch; hoặc

- Hợp đồng tín thác (trust deed/trust agreement/ fund contract); hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn (memorandum for private placement, establishment contract); hoặc

- Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế của quốc gia nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

- Tài liệu khác theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trường hợp quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được đăng ký nhiều mã số giao dịch chứng khoán (quỹ MIMF, quỹ/tổ chức đầu tư thuộc Chính phủ hoặc liên Chính phủ). Tài liệu bổ sung bao gồm:

Đối với quỹ MIMF: Điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng quản lý đầu tư (Investment management agreement) hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm quỹ xác minh quỹ, tổ chức đầu tư được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau, kèm theo thông tin chi tiết về tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý;

Đối với tổ chức đầu tư nước ngoài thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ được đăng ký cho mỗi danh mục đầu tư một mã số giao dịch chứng khoán: Điều lệ hoặc bản cáo bạch hoặc các văn bản tương đương (hợp đồng tín thác hoặc văn bản thành lập, bản cáo bạch, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quy định pháp lý, các tài liệu do Chính phủ ban hành quy định rõ tổ chức dự kiến đăng ký mã số giao dịch là tổ chức trực thuộc chính phủ, hoặc liên chính phủ và có nhiều danh mục tách biệt, độc lập; kèm theo thông tin về các chính phủ là thành viên tham gia tổ chức đầu tư nêu trên; tên đầy đủ, tên viết tắt, nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là bộ phận kinh doanh hạch toán độc lập với hội sở chính; hoặc công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của tập đoàn kinh tế đa quốc gia đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán; hoặc các quỹ, quỹ con (sub-fund) của cùng một quỹ (master fund, feeder fund); hoặc các danh mục đầu tư của cùng một quỹ hoặc của cùng một tổ chức nước ngoài đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán (trong trường hợp quỹ, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ - Multiple Investment Managers Fund hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức nước ngoài thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc liên Chính phủ);

- Tài liệu xác minh mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, xác minh sự tách biệt, độc lập các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, bao gồm Văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại nơi tổ chức đó đăng ký cấp (nếu có) hoặc hợp đồng quản lý đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc các tài liệu khác chứng minh mối quan hệ nêu trên hoặc một trong tài liệu thay thế khác mà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán xét thấy là cần thiết;

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây;

Trường hợp các tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/báo cáo thay đổi thông tin tại cùng thời điểm và có các tài liệu đi kèm giống nhau, tổ chức đầu tư nước ngoài chỉ cần nộp một bộ gốc các tài liệu đó.

(iii) Đối với công ty chứng khoán nước ngoài đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán và đề nghị cấp bổ sung thêm mã số giao dịch chứng khoán:

- Bản sao giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp trước đây.

2. Xác thực chữ ký của người có thẩm quyền

- Trường hợp tổ chức nước ngoài có con dấu riêng, thay bằng việc bổ sung hồ sơ chứng minh thẩm quyền của đại diện có thẩm quyền quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 2 Thông tư này, tổ chức đó chỉ cần sử dụng con dấu của mình cùng với chữ ký của đại diện có thẩm quyền tại hồ sơ xin cấp mã số giao dịch chứng khoán;

- Trường hợp có liên quan tới tài sản của khách hàng (nhà đầu tư nước ngoài) trong việc đóng tài khoản, chuyển khoản, tất toán tài khoản, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có thể xem xét yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài bổ sung văn bản chứng thực chữ ký của đại diện có thẩm quyền nhằm hạn chế rủi ro thất thoát tài sản của khách hàng.

- Trường hợp người ký báo cáo thay đổi thông tin là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thì không cần tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký.

3. Công chứng, chứng thực

Công chứng, chứng thực có thể được thực hiện theo một trong các cách sau:

- Đại diện của tổ chức đầu tư nước ngoài chứng thực tài liệu trước mặt công chứng viên. Sau đó công chứng viên xác nhận danh tính (tên) của đại diện có thẩm quyền này;

- Công chứng viên sao y tài liệu trực tiếp;

- Công chứng chứng thực theo các cách khác phù hợp với quy định pháp luật của nước ngoài.

Phụ lục 13/ Appendix 13

**MẪU THÔNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày ... tháng ... năm ...

Place, date

THÔNG KÊ DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
2. Loại hình nhà đầu tư: Cá nhân Tổ chức
3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư/địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.....
Tel.....fax.....email.....
4. Quốc tịch của nhà đầu tư:
5. Giấy đăng ký NSH³
Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....(nếu có)
Có hiệu lực tới ngày.....tháng.....năm.....
(nếu có)
6. Mã số giao dịch chứng khoán:
Ngày cấp:
7. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có):

³Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam

Số tài khoản:.....

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt):.....

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....

8. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có):

Số tài khoản:.....

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt):.....
.....

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán.....

Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....

II. THÔNG TIN VỀ DANH MỤC ĐẦU TƯ TRÊN TÀI KHOẢN LƯU KÝ DỰ KIẾN TẮT TOÁN

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng chứng khoán	Số tài khoản lưu ký
A	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ		
1			
2			
...			
B	Tín phiếu		
1			
2			
...			
C	Trái phiếu		
1			
2			

...			
C	Các tài sản lưu ký khác		

Thời điểm thông kê danh mục:

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ chính xác của tài liệu này.

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ**

(Ký tên, đóng dấu, chức danh)

Phụ lục 14/Appendix 14

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY MÃ SỐ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI**

(DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Re: Securities Trading Code Revoke

Kính gửi: Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Chứng khoán Việt Nam

Name of Investor (Tên nhà đầu tư):

.....

Address (Địa chỉ):

.....

Nationality (Quốc tịch):

.....

Securities Trading Code (Mã số giao dịch chứng khoán):

.....

Date of issue (Ngày cấp):

.....

Customer of (Khách hàng của):

.....

**We hereby request to revoke our above issued trading code due to the fact that we
will no longer invest into Vietnam securities markets.**

**Tôi/chúng tôi xin đề nghị được hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán đã cấp ở trên
của chúng tôi do chúng tôi sẽ không tiếp tục đầu tư vào thị trường chứng khoán
Việt Nam.**

We shall be obliged to comply with all regulations governing the securities and securities market and other regulations issued by the VSD with particular regards to trading code cancellation.

Chúng tôi sẽ thực hiện mọi quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định khác do VSD ban hành liên quan đến việc hủy bỏ mã số giao dịch này.

Nhà đầu tư:

Applicant: _____

Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền

(Name and Signature of Authorized Signatory):

Chức danh (Title):

Ngày thực hiện (Execution Date):

Phụ lục 15/ Appendix 15

MẪU GIẤY CHỈ ĐỊNH/ ỦY QUYỀN THỰC HIỆN BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

MANDATE FOR INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE BY GROUPS OF FOREIGN INVESTORS AND AFFILIATED PERSONS

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission

- Sở Giao dịch Chứng khoán/ Stock Exchanges

- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán/ Vietnam Securities Depository

Chúng tôi là:

ST T/ No.	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ <i>Investors' name</i>	MSG D/ STC	Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	Số Giấy NSH/ <i>Business Registration No.</i>	Mối quan hệ/ <i>Relation-ship</i>	Số tài khoản giao dịch, nơi mở/ <i>Trading accounts No./ Brokers</i>	Số tài khoản lưu ký, nơi mở/ <i>Depository accounts No., Custodian bank</i>	Số Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, nơi mở/ <i>Indirect Investment Capital Accounts No., Commercial bank</i>	Hình thức liên quan*/ <i>Affiliated form*</i>	Tên đại diện giao dịch/ <i>Trading representative</i>
1										
2										
...										
...										

* Hình thức liên quan nêu chi tiết theo một trong các loại sau/*Specified as one of the below::*

a) Các quỹ nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ trong nước hoặc ngoài nước/ *Funds managed by one local or foreign investment managers;*

b) Các quỹ của cùng một quỹ mẹ (master fund) hoặc các danh mục của cùng một quỹ, các quỹ con (sub-funds) của cùng một quỹ, các quỹ được tài trợ vốn từ cùng một quỹ (feeder fund);/ *Sub-funds of a master fund; funds of a feeder fund;*

c) Các danh mục đầu tư của cùng một quỹ được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau (Multiple Investment Managers Fund - MIMF);/ *Investment managers of a fund (Multiple Investment Managers Fund - MIMF);*

d) Các danh mục đầu tư của cùng quỹ đầu tư nước ngoài thuộc chính phủ hoặc liên chính phủ được lưu ký trên các tài khoản lưu ký khác nhau;/ *Portfolios of governmental or inter-governmental organizations which is custodized in different accounts.*

đ) Các quỹ nước ngoài, tổ chức nước ngoài hoặc danh mục đầu tư có cùng một đại diện giao dịch./ *Funds having the same trading representative.*

Nay chúng tôi chỉ định cho tổ chức hoặc ủy quyền cho ông/bà/tổ chức/ *We hereby appoint the institution or individual:*

(Tên đầy đủ của tổ chức được chỉ định/ Họ và tên người đại diện ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)/ *(Full name of appointed institution/ individual for information disclosure and reporting);*

Tên của tổ chức, cá nhân/ <i>Name of authorized institution, individual</i>	Số giấy NSH/ <i>Bussiness Registration No.</i>	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/ Tel/ Fax/ Email <i>Address/ Tel/ Fax/ Email</i>	Mẫu chữ ký/ <i>Signature sample</i>
1 - Trường hợp bên nhận ủy quyền là tổ chức (Công ty A/Quỹ A)/ <i>Authorized Institution (Company A/ Fund A)</i>			
1.1 Người thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin/ <i>Name of the authorized institution</i>			
1.2. Đại diện theo pháp luật/danh sách các đại diện có thẩm quyền của tổ chức nhận			

ủy quyền/ <i>Authorized representative/ list of authorized representatives of the appointed institution</i>			
2 - Trường hợp bên nhận ủy quyền là cá nhân/ <i>Authorized Individual</i>			
Người thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin/ <i>Information disclosure representative</i>			

Giấy chỉ định/ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày..... và cho đến khi có thông báo thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của chúng tôi.*This appointment/ authorization takes effect from .../.../.... unless otherwise notified in another written notification by us.*

Giấy chỉ định này thay thế cho Giấy chỉ định ngày.....

This Mandate replace the Mandate dated.....

Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

Declaration: (effective from the date this registration from is signed)

1. Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực

We hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.

2. Chúng tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin.

We hereby undertake to comply to the Vietnamese law of disclosure and report.

3. Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng..

We hereby certify that all information above is correctly.

Hồ sơ kèm theo

Attachments

Các nhà đầu tư:

Applicants: _____

Tên và chữ ký của các đại diện có thẩm quyền

Names and Signatures

of Authorized Signatory: _____

Chức danh

Title: _____

Ngày thực hiện

Execution Date: _____

Phụ lục 16/ Appendix 16

**MẪU THÔNG BÁO VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

CÔNG TY...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**THÔNG BÁO VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số /2015/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt
Nam,

Chúng tôi là:

Công ty: ... Mã chứng khoán: ... Website: ...

Địa chỉ liên lạc: ... Điện thoại: ... Fax: ... Email: ...

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty như sau:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật: ... %

Cụ thể như sau:

Số TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
----------	--	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.					
2.					
...					

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty dự kiến thực hiện: ...%

Lý do: ...

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Hồ sơ gửi kèm:

(Liệt kê đầy đủ)

- Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Điều lệ công ty;
- Văn bản hoặc trích lục thông tin trên trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Tài liệu khác theo yêu cầu của UBCKNN (nếu có)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 17/ Appendix 17

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHUYỂN NHƯỢNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:....

Chúng tôi xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chuyển nhượng đã được chấp thuận theo Quyết định số.....ngày....tháng....năm... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số CMND/ hộ chiếu/ Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Quốc tịch	Số lượng cổ phần/ phần góp vốn		Tỷ lệ (%)	
					Trước chuyển nhượng	Sau chuyển nhượng	Trước chuyển nhượng	Sau chuyển nhượng
I	Bên chuyển							

	nhượng							
II	Bên nhận chuyển nhượng							
	Tổng cộng							

Việc chuyển nhượng nói trên đã được hoàn tất thủ tục vào ngày....tháng....năm.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 18/ Appendix 18

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ
LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN/ NHÀ ĐẦU TƯ LỚN⁴**

**OWNERSHIP REPORT OF GROUP OF RELATED FOREIGN
SHAREHOLDERS/ INVESTORS AS A MAJOR INVESTOR**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/công ty quản lý các quỹ đóng

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company/ The close-ended fund management company

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin):*

We are: (Information about the appointed organization/ individual authorized to to make report on the ownership and publish information)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân Name of organization/ individual	Số Giấy NSH* COI No.*	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email Head office address (Permanent address)/tel/ fax/ email
1-Trường hợp <u>tổ chức</u> được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ In case appointed party is an organization (Name of Company A/Fund A and name of legal representative/ authorized representative, No of Owner's Certificate, Head office address)		
a) Tên tổ chức/Name of organization:		
b) Họ và tên đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Name of legal representative/ list		

⁴ Nhà đầu tư lớn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng/ Major investor is the investor who owns more than 5% units of the close fund

of authorized individuals:		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):/In case, appointed party is an individual (Full name, COI No., Permanent address)		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note COI: For an individual investor: valid Passport/social security No; for organizational investor: Certificate of Incorporation/Certificate of Business Registration No or equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sau: Appointed/authorized party to report on ownership and disclose information on behalf of related foreign investors as follow:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Securities trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo:

Name of securities/ fund certificates/ securities code of reported object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Trading date observed changes in ownership rate of group of related foreign investors that made the group a major/minor investor:

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm NĐTNN có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Detail on trades of members that made the group became a major/minor investor:

TT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/ Name of related foreign investors executing trade	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Trading account No	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities deposit account No	Trước giao dịch/Before trade		Sau giao dịch/After trade		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán)
				Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm NĐT nước ngoài có liên quan/Total group of related foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn; *The report is conducted when group member(s) make(s) change to the group's rate of ownership and make(s) the group major/minor investor*

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch; *The report list group member's rate of ownership, including members who do not trade;*

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán; *Securities deposit account is the investor's account opened at custody bank (if any) or securities trading account.*

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Date of becoming major shareholder/investor:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng.

We hereby certify that the information contained herein and in the attachment is true, complete and accurate.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of appointed organization/ individual authorized to report on ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/For individual:

Họ và Tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền: /Full name, signature of authorized individual.

- Trường hợp là tổ chức/ For organization:

Tên Tổ chức được chỉ định/Name of appointed Organization:

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu)
(Signature, full name of authorized representative and seal – if any)

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Report date

Phụ lục 19/ Appendix 19

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU
CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN
LÀ CỔ ĐÔNG LỚN/NHÀ ĐẦU TƯ LỚN
REPORT ON CHANGES IN RATES OF OWNERSHIP OF GROUP OF
RELATED FOREIGN SHAREHOLDERS/INVESTORS AS A MAJOR
INVESTOR**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên
thị trường chứng khoán Việt Nam)*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán

- Công ty đại chúng/công ty quản lý các quỹ đóng

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The public company/ The close-ended fund management company

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin):*

We are: (Information about the appointed organization/ individual authorized to to make report on the ownership and publish information)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân Name of organization/ individual	Số Giấy NSH* COI No.*	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email Head office address (Permanent address)/tel/ fax/ email
1-Trường hợp <u>tổ chức</u> được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính): In case appointed party is an organization (Name of Company A/Fund A and name of legal representative/ authorized representative, No of Owner's Certificate, Head office address)		
a) Tên tổ chức/Name of organization:		
b) Họ và tên đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm		

quyền/ Name of legal representative/ list of authorized individuals::		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/ In case, appointed party is an individual (Full name, COI No., Permanent address):		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note COI: For an individual investor: valid Passport/social security No; for organizational investor: Certificate of Incorporation/Certificate of Business Registration No or equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sau:

Appointed party authorized to report on ownership and publish information on behalf of related foreign investors as follow:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of related foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Investor's trading code	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/ Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo:

Name of securities/ fund certificates/ securities code of reported object

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%):

Trading date observed changes in ownership rate of group of related foreign investors and the rate exceeds one percent (1%)

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/Detail on trades of members that make change to the group's rate of ownership and the rate excess one percent (1%)

TT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/ Name of related foreign investors executing trade	Tài khoản giao dịch chứng khoán / Trading account No	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities deposit account No	Trước giao dịch/Before trade		Sau giao dịch/After trade		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán)
				Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm NĐT nước ngoài có liên quan/Total group of related foreign investors								

Ghi chú:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%); The report is conducted when group member(s) make(s) change to the group's rate of ownership and the rate excess one percent (1%)

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report list group member's rate of ownership, including members who do not trade;

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán. /Securities deposit account is the investor's account opened at custody bank (if any) or securities trading account.

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%):Date observed changes in ownership rate of group of related foreign investors and the rate excesses one percent (1%)

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có/ Other important changes (if any):

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng.

We hereby certify that the information contained herein and in the attachment is true, complete and accurate.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of appointed organization/ individual authorized to report on ownership and disclose information

-Trường hợp là cá nhân/For individual:

Họ và Tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền: /Full name, signature of authorized individual.

- Trường hợp là tổ chức/ For organization:

Tên Tổ chức được chỉ định/Name of appointed Organization:

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu)
(*Signature, full name of authorized representative and seal – if any*)

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Report date

Phụ lục 20/ Appendix 20

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

**TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN
VIỆT NAM
VIETNAM SECURITIES DEPOSITORY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No: /20xx/GCNMS-VSD

*Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi, date*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
APPROVAL FOR SECURITIES TRADING CODE**

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận:

Vietnam Securities Depository hereby certifies:

Tên nhà đầu tư/ Investor's name:

Địa chỉ/ Address :

Quốc tịch/ Nationality :

Số đăng ký: Registration Number:

Khách hàng của Thành viên lưu ký / Being client of Depository Member :

Tên Công ty Quản lý Quỹ (nếu có)/ Name of Investment Manager (if applicable)

Được cấp mã số giao dịch chứng khoán/ is granted with the Securities Trading Code numbertại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày/ by the Vietnam Securities Depository from

Thành viên lưu ký và nhà đầu tư trên có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

The depository member and the investor are fully responsible for complying with all regulations governing securities and securities market and other rules issued by the Vietnam Securities Depository.

Nơi nhận/ To:

- Nhà đầu tư trên/ The above-mentioned foreign investor;
- TVLK/ Depository member
- Các SGDCK/ Stock Exchanges;
- CN, LK/ VSD Branch, Depository Dept
- Lưu NCPT/ Filed at VSD.

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**